

Giảm tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ15,900
Tiềm năng tăng/giảm: -1.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	16,100
Mã Bloomberg	HSG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,500-20,950
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,070
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,998
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	385
Slg CP lưu hành (tr.đv)	621
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	304
Slg CP NN được mua (tr.đv)	275
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.70%
Tỷ lệ freefloat	51.6%
Cổ đông lớn	HSIT (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg9	09-25A	09-26F	09-27F
DT thuần (tỷ đồng)	36,538	40,562	44,953
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,644	1,419	1,522
LNTT (tỷ đồng)	820	811	936
LNT ĐC (tỷ đồng)	680	679	784
FCF (tỷ đồng)	1,062	1,027	428
EPS ĐC (đồng)	1,096	1,093	1,262
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	18,228	17,831	18,593
T.trưởng EBITDA (%)	16.4	(13.7)	7.27
T.trưởng EPS ĐC (%)	41.0	(0.19)	15.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.50	3.50	3.39
Tỷ suất LNTT (%)	2.24	2.00	2.08
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.00	1.80	1.87
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.4	42.5	36.8
Nợ thuần/VCSH (%)	37.1	43.3	29.1
ROAE (%)	6.58	6.52	7.45
ROACE (%)	6.64	5.48	6.32
EV/doanh thu (lần)	0.38	0.36	0.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.49	10.2	8.54
P/E ĐC (lần)	14.7	14.7	12.8
P/B (lần)	0.88	0.90	0.87
Lợi suất cổ tức (%)	3.11	3.11	3.11

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HSG là một trong những doanh nghiệp đầu ngành thép Việt Nam với hệ thống phân phối rộng khắp. Các sản phẩm chính của HSG bao gồm tôn thép, ống thép và ống nhựa.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q1/NĐTC 2025-2026: Lợi nhuận thuần giảm 62% so với cùng kỳ do tỷ suất lợi nhuận kém tích cực

- HSG công bố KQKD Q1/NĐTC 2025-2026 thấp hơn kỳ vọng, với lợi nhuận thuần chỉ đạt 62 tỷ đồng, giảm 62% so với cùng kỳ và 26% so với quý trước, thấp hơn dự báo của HSC 30% do tỷ suất lợi nhuận thấp hơn dự kiến và lãi tỷ giá giảm. Doanh thu thuần ổn định ở mức 8,4 nghìn tỷ đồng (giảm 18% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước), nhìn chung sát dự báo.
- Trong quý, giá bán bình quân tăng 2% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước nhưng bị bù trừ hoàn toàn bởi sự suy yếu kéo dài của hoạt động xuất khẩu. Theo đó, HSG bán được tổng cộng 412.862 tấn sản phẩm thép và nhựa, giảm 19% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 3% trong 3 tháng và diễn biến kém tích cực hơn VN Index 8%, HSG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,7 lần, tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/NĐTC 2025-2026

HSG công bố lợi nhuận thuần Q1/NĐTC 2025-2026 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9) thấp hơn kỳ vọng do lãi tỷ giá giảm và tỷ suất lợi nhuận thấp hơn dự kiến, dù doanh thu nhìn chung sát dự báo. Theo đó, lợi nhuận thuần giảm 62% so với cùng kỳ và 26% so với quý trước xuống chỉ còn 62 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 8,4 nghìn tỷ đồng (giảm 18% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước). Với kết quả này, HSG mới hoàn thành 21% dự báo doanh thu thuần và 9% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2025-2026 của HSC. Cụ thể:

Sản lượng tiêu thụ giảm 21% so với cùng kỳ, kéo theo doanh thu giảm 18% so với cùng kỳ

Trong Q1/NĐTC 2025-2026, HSG đã bán được 412.862 tấn sản phẩm thép và ống nhựa, giảm 19% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước. Trong đó, sản lượng sản phẩm thép giảm 21% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước, xuống chỉ còn 397.162 tấn.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/NĐTC 2026, HSG

Thấp hơn kỳ vọng do tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp

Tỷ đồng	1Q-FY9/25	4Q-FY9/25	1Q-FY9/26	so với cùng kỳ	So với quý trước
Doanh thu thuần	10,222	8,357	8,383	-18.0%	0.3%
Lợi nhuận gộp, báo cáo	1,205	1,021	939	-22.1%	-8.1%
Lợi nhuận gộp cốt lõi	1,205	1,000	939	-22.1%	-6.1%
Tỷ suất LN gộp cốt lõi	11.8%	12.0%	11.2%	-0.6 ppts	-0.8 ppts
Chi phí BH&QL	991	917	827	-16.6%	-9.8%
Chi phí BH&QL/Doanh thu	9.7%	11.0%	9.9%	+0.2 ppts	-1.1 ppts
LNTT, báo cáo	189	111	96	-49.0%	-13.3%
LNTT ngoài HKKD cốt lõi	23	74	36	53.6%	-51.3%
LNTT cốt lõi	166	37	60	-63.5%	61.6%
Lợi nhuận thuần, báo cáo	166	85	62	-62.3%	-26.3%
Lợi nhuận cốt lõi	145	28	39	-73.0%	37.3%

Nguồn: HSG, HSC

- **Sản lượng tiêu thụ trong nước** tăng 5% so với cùng kỳ và 1% so với quý trước đạt 296.368 tấn nhờ nhu cầu trong nước duy trì tích cực, được hỗ trợ bởi hoạt động xây dựng sôi động từ đầu tư công và sự phục hồi của thị trường BĐS. Tỷ trọng tiêu thụ trong nước cải thiện lên mức gần 75% trong quý này, so với 57% trong Q1/NĐTC 2024-2025 và 71% trong Q4/NĐTC 2024-2025.
- **Sản lượng xuất khẩu** tiếp tục giảm mạnh 54% so với cùng kỳ và 16% so với quý trước, xuống chỉ còn 100.794 tấn. Xuất khẩu hiện chỉ chiếm 25% tổng sản lượng tiêu thụ thép trong kỳ này, so với 44% trong cùng kỳ năm trước và 29% trong quý trước.

Về giá bán bình quân, HSC ước tính giá bán bình quân Q1/NĐTC 2025-2026 cải thiện nhẹ 2% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước, đạt 20,3 triệu đồng/tấn. Theo đó, doanh thu Q1/NĐTC 2025-2026 giảm 18% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước, đạt 8,4 nghìn tỷ đồng, bằng 21% dự báo doanh thu NĐTC 2025-2026 của chúng tôi ở mức 40,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 11%).

Lợi nhuận thuần giảm mạnh do tỷ suất lợi nhuận thu hẹp

HSG ghi nhận lợi nhuận gộp giảm 22% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước xuống chỉ còn 939 tỷ đồng, với mức giảm nhanh hơn so với doanh thu. Diễn biến này khiến tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp xuống mức 11,2% trong Q1/NĐTC 2025-2026, so với 11,8% trong Q1/NĐTC 2024-2025 và 12% trong Q4/NĐTC 2024-2025. Trong ngành thép, HSC cho rằng sản lượng sản xuất suy giảm dẫn đến việc phân bổ chi phí cố định không hiệu quả. Điều này làm suy giảm lợi thế kinh tế theo quy mô và tạo áp lực giảm lên mặt bằng tỷ suất lợi nhuận chung.

Ngoài ra, lỗ tài chính trong quý này ở mức 30 tỷ đồng, so với 32 tỷ đồng trong Q1/NĐTC 2024-2025 và 12 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2024-2025. Lãi tỷ giá giảm là nguyên nhân khiến lỗ tài chính tăng so với quý trước.

Đối với chi phí bán hàng & quản lý, tổng chi phí đạt 827 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước, tương đương 9,9% doanh thu thuần, so với 9,7% trong cùng kỳ năm trước và 11% trong quý trước.

Ngoài ra, trong Q1/NĐTC 2025-2026, HSG còn ghi nhận khoản thu nhập 15 tỷ đồng từ hoạt động bán BĐS và các hoạt động khác, tăng 128% so với cùng kỳ nhưng giảm 24% so với quý trước. Theo đó, LNTT Q1/NĐTC 2025-2026 đạt 96 tỷ đồng, giảm 49% so với cùng kỳ và 13% so với quý trước. Tuy nhiên, nếu loại trừ toàn bộ lợi nhuận ngoài HĐKD cốt lõi, LNTT từ HĐKD cốt lõi chỉ đạt 60 tỷ đồng, giảm 64% so với cùng kỳ nhưng tăng 62% so với quý trước.

Nhìn chung, trong kỳ này HSG ghi nhận lợi nhuận thuần chỉ đạt 62 tỷ đồng, giảm 62% so với cùng kỳ và 26% so với quý trước, mới đạt 9% dự báo lợi nhuận thuần NĐTC 2025-2026 của HSC ở mức 730 tỷ đồng (đi ngang so với NĐTC trước).

Xem xét lại khuyến nghị/ giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với HSG.

Bảng 2: Sản lượng thép tiêu thụ, HSG

Trong Q1 NĐTC 2026, sản lượng thép tiêu thụ của HSG đạt gần 400.000 tấn, giảm 21% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước, do tình trạng suy yếu kéo dài của hoạt động xuất khẩu

Tấn	1Q-FY9/25	4Q-FY9/25	1Q-FY9/26	Growth y/y	Growth q/q
Tôn mạ	394,524	308,522	294,413	-25.4%	-4.6%
Trong nước	185,411	190,442	197,441	6.5%	3.7%
Xuất khẩu	209,113	118,080	96,972	-53.6%	-17.9%
Ống thép	105,040	106,040	102,749	-2.2%	-3.1%
Trong nước	96,976	103,509	98,927	2.0%	-4.4%
Xuất khẩu	8,064	2,531	3,822	-52.6%	51.0%
Tổng sản lượng thép	499,564	414,562	397,162	-20.5%	-4.2%
Tổng trong nước	282,387	293,951	296,368	5.0%	0.8%
Tổng xuất khẩu	217,177	120,611	100,794	-53.6%	-16.4%
Tỷ trọng doanh thu					
Trong nước	56.5%	70.9%	74.6%		
Xuất khẩu	43.5%	29.1%	25.4%		

Nguồn: VSA, HSG, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	09-24A	09-25A	09-26F	09-27F	09-28F
Doanh thu	39,272	36,538	40,562	44,953	49,628
Lợi nhuận gộp	4,264	4,516	4,874	5,302	5,757
Chi phí BH&QL	(3,840)	(3,776)	(4,259)	(4,585)	(5,012)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	423	740	615	716	744
Lãi vay thuần	87.2	8.54	121	136	168
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	40.6	71.3	75.5	83.7	92.4
LNTT	551	820	811	936	1,004
Chi phí thuế TNDN	(36.5)	(88.6)	(81.2)	(93.7)	(126)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.04)	0.01	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	515	732	730	843	879
Lợi nhuận thuần ĐC	479	680	679	784	817
EBITDA ĐC	1,413	1,644	1,419	1,522	1,552
EPS (đồng)	835	1,178	1,176	1,357	1,415
EPS ĐC (đồng)	777	1,096	1,093	1,262	1,316
DPS (đồng)	500	500	500	500	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	616	621	621	621	621
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	616	621	621	621	621
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	616	621	621	621	621

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	09-24A	09-25A	09-26F	09-27F	09-28F
Tiền & tương đương tiền	602	428	450	2,062	3,349
Đầu tư ngắn hạn	30.6	81.2	106	137	178
Phải thu khách hàng	2,985	2,189	2,434	2,697	2,978
Hàng tồn kho	9,712	8,199	9,329	8,991	8,933
Các tài sản ngắn hạn khác	844	809	898	995	1,141
Tổng tài sản ngắn hạn	14,174	11,706	13,217	14,883	16,580
TSCĐ hữu hình	3,915	3,900	3,119	2,346	1,580
TSCĐ vô hình	196	220	231	243	255
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	665	772	772	772	772
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	616	2,351	2,465	2,590	2,727
Tổng tài sản dài hạn	5,391	7,244	6,588	5,951	5,333
Tổng cộng tài sản	19,566	18,950	19,805	20,834	21,913
Nợ ngắn hạn	5,364	4,404	4,996	5,155	5,265
Phải trả người bán	2,328	2,050	2,434	2,697	2,978
Nợ ngắn hạn khác	635	799	885	975	1,111
Tổng nợ ngắn hạn	8,632	7,598	8,699	9,253	9,824
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ phải trả	8,649	7,614	8,716	9,272	9,844
Vốn chủ sở hữu	10,901	11,319	11,073	11,546	12,053
Lợi ích cổ đông thiểu số	16.1	16.0	16.0	16.0	16.0
Tổng vốn chủ sở hữu	10,917	11,335	11,089	11,562	12,069
Tổng nợ phải trả và VCSH	19,566	18,950	19,805	20,834	21,913
BVPS (đ)	17,697	18,228	17,831	18,593	19,409
Nợ thuần/(tiền mặt)	4,762	3,976	4,546	3,093	1,915

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	09-24A	09-25A	09-26F	09-27F	09-28F
EBIT	423	740	615	716	744
Khấu hao	(990)	(904)	(804)	(806)	(808)
Lãi vay thuần	87.2	8.54	121	136	168
Thuế TNDN đã nộp	(84.9)	(92.4)	(97.4)	(112)	(151)
Thay đổi vốn lưu động	(3,005)	2,125	(462)	(1,167)	(1,137)
Khác	311	(136)	197	220	260
LCT thuần từ HKKD	(1,415)	3,660	1,108	518	535
Đầu tư TS dài hạn	(771)	(2,598)	(81.1)	(89.9)	(99.3)
Góp vốn & đầu tư	(4.26)	(83.2)	3.47	3.27	9.31
Thanh lý	50.9	89.5	63.7	63.8	63.9
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(724)	(2,591)	(14.0)	(22.9)	(26.1)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	22.1	27.9	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,428	(960)	(912)	1,352	1,090
Khác	(308)	(310)	(159)	(236)	(312)
LCT thuần từ HĐTC	2,142	(1,242)	(1,072)	1,116	778
Tiền & tương đương tiền đầu kì	597	602	428	450	2,062
LCT thuần trong kỳ	3.55	(174)	22.4	1,612	1,287
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.66	(0.33)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	602	428	450	2,062	3,349
Dòng tiền tự do	(2,185)	1,062	1,027	428	436

Các chỉ số tài chính	09-24A	09-25A	09-26F	09-27F	09-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	12.4	12.0	11.8	11.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.60	4.50	3.50	3.39	3.13
Tỷ suất LNT (%)	1.31	2.00	1.80	1.87	1.77
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.63	10.8	10.0	10.0	12.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	24.1	(6.96)	11.0	10.8	10.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	8.08	16.4	(13.7)	7.27	1.96
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1,615	42.1	(0.19)	15.4	4.28
Tăng trưởng EPS (%)	1,615	41.0	(0.19)	15.4	4.28
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1,615	41.0	(0.19)	15.4	4.28
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	59.8	42.4	42.5	36.8	35.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	4.75	6.58	6.52	7.45	7.45
ROACE (%)	3.90	6.64	5.48	6.32	6.29
Vòng quay tài sản (lần)	2.13	1.90	2.09	2.21	2.32
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(3.34)	4.94	1.80	0.72	0.72
Số ngày tồn kho	101	93.5	95.4	82.8	74.3
Số ngày phải thu	31.1	25.0	24.9	24.8	24.8
Số ngày phải trả	24.3	23.4	24.9	24.8	24.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	45.5	37.1	43.3	29.1	18.4
Nợ/tài sản (%)	28.4	24.4	26.5	26.1	25.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	3.94	2.81	3.69	3.57	3.59
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.64	1.54	1.52	1.61	1.69
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.37	0.38	0.36	0.29	0.24
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.4	8.49	10.2	8.54	7.60
P/E (lần)	19.3	13.7	13.7	11.9	11.4
P/E ĐC (lần)	20.7	14.7	14.7	12.8	12.2
P/B (lần)	0.91	0.88	0.90	0.87	0.83
Lợi suất cổ tức (%)	3.11	3.11	3.11	3.11	3.11

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn